

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/ HSST

Ngày 24 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông La Văn Viên
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phương Văn Tư
2. Ông Hoàng Văn Tâm
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Đức Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở UBND xã Cảnh Tiên, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử Công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/ HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017. *Đối với các bị cáo:*

1. La Văn L, Sinh năm 1954 tại xóm P - xã C - huyện TK - tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: xóm P - xã C - huyện TK - tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 3/10 phổ thông; Dân tộc: Tày; Con ông La Văn N (Đã chết); Con bà Nông Thị H (Đã chết); Vợ: Ma Thị La (Đã chết) và 05 con, con lớn sinh năm 1976, con nhỏ sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/ 4/ 2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh.

(Có mặt)

2. Bế Văn D, sinh năm 1980 tại xóm S, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú: xóm S, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 7/12 phổ thông; Dân tộc: Tày; Con ông: Bế Văn T, sinh năm 1940; Con bà: Triệu Thị C, sinh năm 1950; Vợ: Nông Thị L, sinh năm 1981 và 01 con sinh năm 2004. Tiền án, Tiền sự: Không có

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/ 4/ 2017, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh.

(Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nông Thị H, sinh năm 1982

Nơi cư trú: xóm S, xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do.

*** Người làm chứng:** Nông Văn K, sinh năm 1994

Nơi cư trú: xóm B - xã CT - huyện TK- Cao Bằng.

(Vắng mặt) không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo bị La Văn L, Bé Văn D bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào hồi 14h30 ngày 03/ 4/ 2017, tổ công tác ma túy - đội Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đang làm nhiệm vụ tại khu vực địa bàn xã Đ, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Phát hiện Bé Văn D, trú tại: xóm S, xã Đ, huyện TK có biểu hiện nghi vấn tiến hành khám xét người thu được 01 (Một) gói nhỏ giấy bạc màu vàng bên trong có chứa chất rắn màu trắng nghi là Hêrôin, theo lời khai nhận của D số chất bột màu trắng thu giữ là Hê rôin của D mua với một người tên là L, trú tại: xóm PĐ - xã C - huyện TK về sử dụng. Ngoài ra còn thu giữ thêm 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu AVIO đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lập biên bản niêm phong tang vật theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào lời khai của Bé Văn D vào hồi 18h30 cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành khám xét khẩn cấp người và chỗ ở đối với La Văn L, trú tại: xóm PĐ - xã C - huyện TK. Phát hiện trong túi quần đang mặc của L 02 (Hai) gói nhỏ giấy bạc màu vàng, bên trong có chứa chất rắn màu trắng, nghi là Hê rôin. Ngoài ra còn thu giữ số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và 01(Một) điện thoại di động màu đỏ đen đã qua sử dụng.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành mở niêm phong xác định trọng lượng tang vật vụ án và lấy mẫu giám định: Qua cân 02 (Hai) gói bột màu trắng thu giữ của Bé Văn D có trọng lượng 0,44 gam (Không phải bốn mươi bốn gam) và 02 (Hai) gói chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét La Văn L có trọng lượng là 0,44 gam (Không phải bốn mươi bốn gam). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tách một phần cả hai mẫu tang vật cho vào phong bì niêm phong lại để gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 67/GĐMT ngày 17/4/ 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, Kết luận: Hai mẫu chất bột gửi đến giám định đều là ma túy, loại ma túy Hê rôin.

Trong quá trình điều tra Bé Văn D thừa nhận do bản thân nghiện ma túy nên buổi chiều ngày 03/4/2017, D đến nhà L mua 01 gói ma túy với giá tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để mang về sử dụng cho bản thân và bị bắt quả tang.

Đối với La Văn L thừa nhận số chất bột màu trắng thu giữ khi khám xét thấy trong túi quần là ma túy, L mua về sử dụng và bán lại cho những người nghiện khác kiếm lời để phục vụ nhu cầu bản thân, cụ thể: L đã bán ma túy cho những người sau:

Bán ma túy cho Bé Văn D, trú tại: xóm S - xã Đ – huyện TK 01 (Một lần/01 gói trị giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) thời gian vào buổi chiều ngày 03/4/2017.

Bán ma túy cho Nông Văn K, trú tại: xóm B - xã CT – huyện TK 01 (Một lần, với số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) vào khoảng cuối tháng 3 năm 2017.

Bản cáo trạng số 17/KSĐT-MT ngày 06 tháng 7 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử đối với các bị cáo: Bị cáo La Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Bé Văn D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận Đại diện viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo La Văn L phạm tội “mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo La Văn L từ 8 đến 9 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Bé Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Bé Văn D từ 2 đến 3 năm tù.

Về vật chứng vụ án áp dụng khoản 1 điều 41 bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong trong đó một phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ án La Văn L và 01 phong bì ghi vật chứng vụ án Bé Văn D bắt ngày 03/ 4/ 2017;

Tịch thu số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo L liên quan đến việc bán ma túy.

Khoản tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) không chứng minh được là do bị cáo bán ma túy mà có cần trả lại cho chị Nông Thị H, trú tại xóm PĐ - xã C - huyện TK.

Tuyên trả 01 điện thoại di động nhãn hiệu AVIO màu da cam đỏ qua sử dụng cho bị cáo Bé Văn D và 01 điện thoại di động màu đỏ đen đỏ qua sử dụng cho bị cáo La Văn L nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về án phí buộc các bị cáo La Văn L, Bé Văn D phải nộp án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo La Văn L, Bé Văn D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các lời khai của các bị cáo khai tại Cơ quan điều tra, Biên bản phạm tội quả tang, Biên bản khám xét và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thể hiện:

Bị cáo La Văn L khai hai gói nhỏ ma túy mà Cơ quan điều tra khám xét phát hiện thu giữ ngày 03/4/2017 là của bị cáo mua với một người con gái tên là N nhà ở tổ 3 Thị trấn TK vào buổi sáng ngày 31/3/2017 với số tiền là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Sau đó, N đưa cho bị cáo một gói ma túy đi về nhà luôn. Bị cáo cũng thừa nhận là được bán ma túy cho D ở xóm S - xã Đ - huyện TK 01 (Một) lần 02 (Hai) gói với giá là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), bán cho K ở xóm B - xã CT – huyện TK 01 (Một) lần 01 (Một) gói với giá là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Bị cáo Bé Văn D khai nhận: Do bản thân nghiện ma túy bị cáo có mua ma túy với bị cáo L 01 lần vào ngày 03/4/2017 mua 01 (Một) gói với giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua được bị cáo về nhà luôn, trên đường về đến đầu làng Sộc Khâm thì bị Công an huyện Trùng Khánh bắt quả tang.

Xét lời khai của các bị cáo La Văn L, Bế Văn D đã khai tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với các lời khai của các bị cáo, lời khai của những người làm chứng đã khai tại cơ quan điều tra đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu, lời khai của bị cáo L phù hợp với lời khai của bị cáo D và phù hợp với số vật chứng đã thu được của bị cáo L gồm 02 (Hai) gói ma túy có trọng lượng tịnh là 0,44 gam. Thu được của bị cáo D 02 (Hai) gói ma túy có trọng lượng tịnh là 0,44 gam Kết luận: Hai mẫu gửi giám định đều là ma túy, loại ma túy Hêrôn.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo La Văn L phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Bế Văn D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất vụ án là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, bản thân các bị cáo là người nghiện ma túy, các bị cáo có nhận thức và biết rõ tác hại của ma túy, hiểu biết các quy định của pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi liên quan đến ma túy nhưng vẫn thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện là tàng trữ và mua bán ma túy nhiều lần và bán cho nhiều người, gây nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của nhà nước đối với các chất ma túy, nhưng do bản thân nghiện ma túy bất chấp các quy định của pháp luật đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Các bị cáo biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với mức án nghiêm khắc về hành vi phạm tội của mình.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo La Văn L từ nhỏ được Bố mẹ nuôi ăn học và học đến lớp 3/10 phổ thông thì bỏ học ở nhà tại Cảnh Tiên, Trùng Khánh, Cao Bằng nhân thân có 01 tiền án ngày 27/12/2012 bị Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xoá án tích nhưng không coi là có nhân thân tốt, sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng không có. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần xử bị cáo ở trên mức khởi điểm và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Bế Văn D từ nhỏ được Bố mẹ nuôi ăn học và học đến lớp 7/12 phổ thông thì bỏ học ở nhà làm ruộng tại xóm Sộc Khâm, Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng. Nhân thân có 01 tiền án ngày 28/4/1998 bị Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cướp tài sản” đã được xoá án tích nhưng không coi là có nhân thân tốt, sau khi bị bắt bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, tình tiết tăng nặng không có. Tuy nhiên, căn cứ tính chất hành vi phạm tội của bị cáo có liên quan đến ma túy đây là trường hợp nghiêm trọng nên cần xử bị cáo trên mức khởi điểm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nguồn gốc ma túy thu giữ bị cáo L khai mua với một người phụ nữ tên là N, trú tại tổ 3 Thị trấn TK, thời gian mua vào buổi chiều ngày 31/3/2017 với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) Cơ quan Cảnh sát điều tra đã lấy lời khai và đối chất nhưng N không thừa nhận bán ma túy cho L nên không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án.

Đối với Nông Văn K là đối tượng nghiện ma túy đã khai là được mua ma túy với La Văn L về để sử dụng, theo quy định của pháp luật thì không truy cứu trách nhiệm hình sự về tội sử dụng trái phép chất ma túy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: - 02 (Hai) phong niêm phong, một phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ án Bế Văn D và một phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ án La Văn L bắt ngày 03/ 4/ 2017 cần tịch thu tiêu hủy.

- Trả 02 (Hai) điện thoại di động trong đó 01 (Một) điện thoại di động AVIO màu da cam điện thoại đã qua sử dụng cho bị cáo D và 01 điện thoại di động màu đỏ đen đã qua sử dụng cho bị cáo L, nhưng tạm giữ 02 (Hai) điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu số tiền 500.000đ VNĐ do bán ma túy mà có sung công quỹ nhà nước.

- Tuyên trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) không liên quan đến việc bán ma túy cần trả cho Nông Thị H.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo: Bị cáo **La Văn L** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo La Văn L: 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 03/ 4/2017.

Bị cáo **Bế Văn D** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Bế Văn D: 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt ngày 03/ 4/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b, c khoản 1 điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, c khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên.

- Tịch thu tiêu huỷ 02 (Hai) phong bì niêm phong. Trong đó một phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ án La Văn L và một phong bì mặt trước ghi vật chứng vụ án Bế Văn D bắt ngày 03/ 4/ 2017.

- Tịch thu số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của bị cáo L do bán ma túy mà có sung công quỹ nhà nước.

- Trả số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho Nông Thị H, trú tại xóm PĐ - xã C - huyện TK, tỉnh Cao Bằng;

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu AVIO màu da cam đã qua sử dụng cho bị cáo Bế Văn D và 01 điện thoại di động màu đỏ đen đã qua sử dụng cho bị cáo La Văn L nhưng tạm giữ 02 điện thoại trên để đảm bảo cho thi hành án.

Xác nhận số tang vật trên đã chuyển sang Cơ quan chỉ cục thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/7/2017.

3. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/ 12/ 2016 về án phí, lệ phí. Buộc các bị cáo La Văn L, Bế Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND TK;
- CA TK (4 bản);
- Sở T pháp Cao Bằng;
- Các bị cáo L, D;
- THA Dân sự TK;
- UBND xã C, Đ;
- THA HS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

La Văn Viên

